

NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ TRONG THU TRÌ THI TẬP CỦA VŨ PHẠM HÀM

Ngô Thị Thu Trang*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thu Trì thi tập là một tập thơ chữ Hán đặc sắc của Vũ Phạm Hàm. Về ngôn ngữ, các bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa sự giản dị, chân chất với sự hóm súc, tinh tế. Cách dùng từ điệp âm, điệp vần, đại từ nhân xưng đã khắc họa những bức tranh thiên nhiên và cái tôi đa dạng của nhà thơ. Qua đó gộp phần thể hiện tâm hồn và tài năng của thi nhân họ Vũ.

Từ khóa: *Thu Trì, thơ chữ Hán, Vũ Phạm Hàm, ngôn ngữ, nghệ thuật*

MỞ ĐẦU

Vũ Phạm Hàm là nhà trí thức lớn, vị Tam khôi cuối cùng của nền khoa cử Hán học nước ta. Dù mất khi còn khá trẻ (42 tuổi) nhưng ông đã để lại nhiều thi văn tập có giá trị. *Thu Trì thi tập* là một tập thơ chữ Hán của ông. *Thu Trì thi tập* được đánh giá là tập thơ đặc sắc của nhà trí thức lớn song vẫn chưa được nhiều người biết đến bởi mới chỉ có rất ít bài trong đó được dịch sang tiếng Việt hiện đại. Có thể nói đây là tác phẩm kết tinh được những giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Với thể loại đa dạng, ngôn từ phong phú, tinh tế, cách dùng điệu và đối linh hoạt, nhuần nhuyễn, tập thơ đã đạt được những thành công đáng ghi nhận về mặt nghệ thuật. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu về nghệ thuật ngôn từ trong *Thu Trì thi tập*.

NỘI DUNG

Ngôn ngữ bình dị, hóm súc

Ngôn ngữ trong thơ Vũ Phạm Hàm bình dị, tự nhiên. Cũng như các nhà thơ khác, Vũ Phạm Hàm thích ngâm vịnh, thích gửi gắm tâm sự, cảm xúc của mình vào thơ. Ông viết nhiều thơ thù tạc hoặc ghi lại những chuyện đi chơi cùng bạn bè, anh em. Cũng có khi thơ ông là những lời trêu đùa hết sức dí dỏm và thân tình. Đọc nhiều bài ta dễ dàng hình dung ra được hoàn cảnh sáng tác và cảm nhận được sự giản dị, chân thành trong những vần thơ

giàu chất tự sự của tác giả. Có những câu thơ tác giả viết rất tự nhiên. Không chải chuốt, cầu kỳ nhưng chính điều đó đã thể hiện được sự gắn bó, thân thiết và tình cảm chân thành giữa hai người bạn:

Ký vong thùy chủ vi thùy khách,

Thiêm tiêu nhiếp đăng liệt hảo hạch.

(Mấy lần quên mất ai là chủ ai là khách,

Thêm rượu khêu đèn bày đồ nhắm.)

(Trung thu đối nguyệt đồng Thach Vân huynh tác)

Vũ Phạm Hàm đi nhiều. Trong mỗi chuyến đi ông đều ghi lại những cảnh vật, con người mà mình đã gặp gỡ. Lời nhắn gửi một người bạn khi phải chia tay nghe thật thân tình:

Động chủ mạc hiềm quy khú táo,

Chi nhân khách quán thực vô ngũ.

(Động chủ chờ ngại khi phải về sớm,

Chi vì quán khách ăn không có cá.)

(Lưu biệt động chủ)

Những lời thơ mộc mạc đã khắc họa nên mối thâm tình giữa tác giả và người động chủ. Phải hiểu nhau và cảm thông với nhau đến mức nào tác giả mới có thể giải bày ý tứ của mình một cách tự nhiên đến vậy.

Ngôn ngữ trong thơ Vũ Phạm Hàm không những trong sáng, giản dị mà còn cõi động, hóm súc, gộp phần thể hiện những tình cảm nội tâm sâu lắng và những suy tư thầm kín. *Trùng Dương ngọt bệnh* là một bài thơ ngắn, chỉ có 28 chữ nhưng lại gợi sự liên tưởng sâu xa trong lòng người đọc:

* Tel: 0915 176762, Email: ngoothutrang2007@gmail.com

*Nhất đăng phong vũ bệnh sảng liên,
Hàn diệp thanh trung hựu đoạn thuyền.
Tưu quán thi bài hà xú mịch,
Trùng Dương hư độ cúc hoa thiên.*
(Một ngọn đèn trong tiết trời mưa gió bên
giường bệnh,
Nghe tiếng lá rụng lại đã dứt tiếng ve kêu.
Rượu ngon, thơ phú tìm đâu tá,
Qua tiết Trùng Dương uồng một trời hoa cúc).

Giữa không gian buồn, vắng lặng, chỉ có gió
mưa và tiếng lá rụng là một con người cô đơn
với bao nỗi niềm. Tuy có nói đèn ánh sáng
(ngọn đèn) và âm thanh (tiếng ve, tiếng lá
rụng) nhưng câu thơ không gợi lên được sự
âm áp, tươi sáng và vui vẻ bởi đó là ngọn đèn
trong mưa gió, và tiếng ve thì đã tắt. *Người
buồn cảnh có vui đâu bao giờ* (Nguyễn Du),
đằng sau sự vắng vẻ hiu quạnh của cảnh vật là
tâm trạng buồn tủi, tiếc nuối của thi nhân
trước cuộc đời.

Cách dùng từ song thanh, điệp âm, điệp vận

Ngôn từ trong thơ Vũ Phạm Hàm giàu hình
ảnh, giàu nhạc điệu. Với con mắt tinh tế của
mình, ông đã phát hiện ra nhiều sắc thái,
nhiều vẻ đẹp của tự nhiên, từ cái hùng vĩ,
hoành tráng của những dãy núi cao đến cái
nhỏ bé, êm dịu của ánh trăng, dóa hoa, nhành
lá... Nhiều từ *song thanh* (hai từ có thanh
mẫu giống nhau), *điệp âm* (hai từ có âm tiết
hoàn toàn giống nhau), *điệp vận* (hai từ có
vần giống nhau) được ông khai thác khá
nhiều. Nhiều từ ngữ đó đã đem lại cho thơ
ông sự uyển chuyển, tươi tắn và sinh động.

Có thể lấy một số ví dụ về việc sử dụng từ
song thanh, điệp âm, điệp vận trong *Thư Tri
thi tập* như sau: Thạch thuyền lưu *quyên quyên*
(*Điền Xí son*); Độc thử *tranh vanh* kiến đầu
giác (*Trang - Nguyễn phong*); Huyền quán
tranh vanh ý viễn phong (*Trùng tu Trần Vũ
Quán*) ; Thành trung lâu điện thế *tranh vanh*
(*Quá Ninh Bình tĩnh thành*); Phong cấp thụ
tiêu tiêu (*Đặng Độc Tôn son*) ; *Tiêu tiêu* thu

sắc mẫn nhàn du (*Thu hàn ngũ túc*); Mǎn
đình hoàng diệp há *tiêu tiêu* (*Thu*); Sương
diệp *tiêu tiêu* mǎn phô giang (*Thu giang vân
vọng*); Sóc vũ *tiêu tiêu* thảo hạ trich (*Đáp Tả
viện Ngu Thắng Nguyễn quân Dinh Khanh
Viện trung kiến thị chi tác nguyên vận*);
Thạch đậm *lắng lắng* tiêu kính hoành (*Đáo
Thiên Trù tự*); Phát phát từ phong tổng hiếu
từ (*Lưu biệt động chū*); Tùng thụ *thâm thâm*
ân diệu chu (*Đặng hổ lâu hữu hoài Hoàng
Trúc am*); Phóng phóng tiên phong độ Nhị
Nùng (*Trùng tu Trần Vũ Quản*); Kiều dung
phóng phóng sơ linh ngoại (*Thủy tiên diệp*);
Nga ánh *quyên quyên* bán tự thu (*Xuân dạ đối
nguyệt*); Trùng trùng nguyệt ánh độ hoa âm
(*Trung thu ngoan nguyệt*); Đam đam hàn
hương độ vân phong (*Quá mai viên*); Cảnh
cảnh bất thành mị (*Trù tịch bất mị*); Kì hành
tân diệp chính thương thương (*Thủy tiên diệp*);
Ngô hương hồng liêm *luyến luyến* phi
(*Bach cúc ánh*); Luyến luyến u túng khứ hựu
lai (*Vị khai cúc*)...

Nhìn chung những từ song thanh, điệp âm, điệp
vận trong *Thư Tri thi tập* gồm các loại sau:

- Nghĩa của từ khác hẳn nghĩa từ đơn:

Ví dụ: *tiêu*: tên một loại cỏ thơm, thuộc loài
cỏ lau, lá trắng, cọng thô và rỗng ở trong,
thường dùng để đeo vào người cho thơm hoặc
khi té lỗ đốt lên cho thơm => *tiêu tiêu*: xảo
xạc, xác xơ, vù vù, se sắt...

thâm: sâu => *thâm thâm*: um tùm, rậm rạp...

- Dùng nghĩa gốc của từ riêng lẻ:

Ví dụ: *cánh*: thắc mắc => *cánh cánh*: bắn
khoan, thắc mắc

trùng: lồng trong => *trùng trùng*: trong vắt

thương: xanh => *thương thương*: xanh xanh

thông: vội vàng => *thông thông*: vội vàng

đam: nhạt => *đam đam*: thoang thoảng

quyên: xinh => *quyên quyên*: xinh đẹp

Việc tác giả sử dụng các từ song thanh, điệp

âm, điệp vận một cách hợp lý, linh hoạt đã

giúp tạo cho câu thơ có được âm điệu du

dương, trầm bổng và giúp sự diễn đạt được

sâu sắc và tinh tế hơn.

Trong bài *Đáo Thiên Trù* Vũ Phạm Hàm đã miêu tả cảnh con đường dẫn đến chùa:

*Thạch đặng lăng tầng tiêu kinh hoành,
Giao lâm đoạn biến kiến thiên quynh.*

(Đường nhỏ vắt ngang những tảng đá cao chót vót,

Thấy cửa chùa ở chỗ cuối rì rìng.)

Với từ *lăng tầng* tác giả đã giúp chúng ta hình dung ra một con đường nhỏ cheo leo hiểm trở giữa nơi rì rìng núi vắng vẻ.

Cánh thu được phác họa qua cảnh lá vàng rụng xác xơ sau một đêm mưa gió:

*Tắc dạ tây phong xuy vú quá,
Mân đình hoàng diệp há tiêu tiêu.*

(Đêm qua gió tây thổi mưa tối,

Đầy sân lá vàng rụng xác xơ.)

(*Thu*)

Từ *tiêu tiêu* gợi cho ta liên tưởng đến những chiếc lá xơ xác, úa tàn rơi là tà trước sân, bị mưa gió dập vùi. Chúng ta còn gặp từ *tiêu tiêu* trong nhiều câu thơ khác:

Phong cấp thu tiêu tiêu

(Gió thổi mạnh cây cối tạo thành tiếng rì rào)
(*Đặng Độc Tôn son*)

Sương diệp tiêu tiêu mǎn phô giang

(Lá, sương dạo đạt đầy cả khúc sông)

(*Thu giang vân vọng*)

Từ *tiêu tiêu* khi đi với những từ khác, trong khung cảnh khác thì nó sẽ mang ý nghĩa khác, có thể nó gọi hình ảnh, âm thanh, có thể gọi cảm xúc. Như vậy, những từ diệp âm như thế này cần ở người đọc sự linh hoạt để có thể hiểu được đúng ý nghĩa mà tác giả muốn diễn tả.

Những từ diệp âm, diệp vân giúp nhà thơ miêu tả được những hình ảnh, sắc màu, hương thơm một cách sinh động và gợi cảm. Ông miêu tả những chiếc lá thuỷ tiên mon mòn tươi xanh. Ký hành tân diệp chính thương thương (Máy nhánh lá non đúng lúc xanh xanh) (*Thủy tiên diệp*), cánh bướm yêu diệu mềm mại *Ngô hương hồng liêm luyến luyến phi* (Nhàm nỗi mành hồng quyền luyến bay) (*Bạch cúc ánh*), ánh trăng sáng trong *Trăng triềng nguyệt ánh độ hoa âm* (Ánh trăng trong vắt lướt qua bóng hoa) (*Trung thu*

ngoạn nguyệt), hương thơm nhẹ dịu của hoa mai *Đạm đạm hàn hương độ vẫn phong* (Hương thơm mát thoang thoảng bay trong gió chiều) (*Quá mai viên*), tiếng nước suối chảy róc rách *Thạch tuyển lưu quyền quyền* (Suối trong khe đá chảy róc rách) (*Điền Xí son*), những làn gió nhẹ thổi *Phát phát từ phong tống hiếu từ* (Gió lành thổi nhẹ nhẹ đưa tàu sớm) (*Lưu biệt động chủ*), những khóm cây um tùm rậm rap *Tùng thụ thảm thảm án diều chu* (Cây cối um tùm che lấp chiếc thuyền câu) (*Đặng hò lâu hứa hoài Hoàng Trúc am*), sắc thu lai láng *Lai lai thu sắc mǎn nhàn du* (Sắc thu lai láng thoái mái du chơi nhàn nhã) (*Thu hàn ngẫu tác*) hay con thuyền trôi nhẹ trên dòng nước *Phiếm phiếm biến chu nhuệ thủy định* (Chiếc thuyền nhỏ nhanh nhẹn lướt trên sông) (*Trung thu dạ phiếm*)... Qua những câu thơ đó người đọc đều nhận thấy ông có sự cảm nhận nhạy bén, tinh tế trước cảnh vật và khả năng sử dụng ngôn từ khá nhuần nhuyễn và tài hoa.

Từ diệp âm, diệp vân trong thơ Vũ Phạm Hàm còn có khả năng khơi gợi cảm giác, cảm xúc, tâm trạng của con người. Trong bài *Trùt tích bất mị* ông ghi lại nỗi lòng mình *Cánh cánh bất thành mị* (Cánh cánh trong lòng không thành giấc). Vì lầm nỗi lo toan, vì bận bè tâm trạng nên nhà thơ có những lúc không ngủ được. Thao thức không ngủ nên lại thắp hương, rót rượu và làm thơ *Phản hương huân bút ý* (Đốt nhang phóng bút bày tỏ suy nghĩ).

Cách dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất

Thơ chữ Hán thời trung đại có tính phi ngã. Cái tôi cá nhân của tác giả nhiều khi ân di và thường được lược trong câu thơ. Nhưng trong *Thư Trì thi tập* ta thấy ở nhiều bài Vũ Phạm Hàm trực tiếp nói về mình qua các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất (chi người viết) như *ngã, ngô...* Tuy không nhiều nhưng những đại từ nhân xưng này đã cho ta thấy rõ hơn cái tôi đa dạng của nhà thơ. Đó là một con người đa cảm đầy lòng yêu thiên nhiên:

Ngã lai phủ ngưỡng giang sơn thăng.

Như họa đồ trung tự mộng trung.

(Ta đến ngưỡng trông cảnh đẹp của sông nước, Tự như giấc mộng trong tranh vẽ.)

(*Giai chư sinh đăng Nham Sơn động*)

Một con người mừng vui say sưa trước cảnh
xuân tươi đẹp:

Thiều quang dung dị quá,

Dẫn ngã đáo thanh minh.

(Ánh sáng xuân giàn dị quá,

Dẫn ta đến thanh minh)

(*Thanh minh*)

Một người luôn biết quý trọng tình bạn:

Cố nhân huệ ngã thanh lương tán

(Bạn cũ thăm ta giờ mót tan)

(*Hạ nhật ngoại bệnh*)

Một con người nhiều nỗi buồn lo:

Ngã kinh tru hoạn thi tư sầu

(Ta đã trải qua nỗi lo lắng nên thơ phú không
được thanh tao)

(*Trọng đồng du Lòng Thành da thoại hữu
nhân gia*)

Đặc biệt, bài *Chu trung khán sơn* bốn câu mà
có tới ba câu chứa từ *ngã*:

Thanh sơn tại ngã tiền,

Hốt nhiên tại ngã hâu.

Tọa ngã biến chu trung,

Thanh sơn nãi bôn天涯.

(Núi xanh ở trước ta,

Bỗng nhiên lại ở sau ta.

Ta ngồi lâu trong con thuyền nhỏ

Núi xanh cứ chạy qua mãi.)

Những câu thơ hết sức ngắn gọn, bình dị tự
nhiên đã thể hiện được sự quan sát hết sức
tinh tế, độc đáo của một nhà thơ luôn năng
lòng với non sông đất nước.

KẾT LUẬN

Tóm lại, ngôn ngữ trong thơ Vũ Phạm Hàm
kết hợp được sự giản dị, chân chất với sự tinh
tế, hàm súc. Những từ điệp âm, điệp vận được
khai thác khá nhiều đã góp phần làm tăng tính
biểu cảm, tính hình tượng và tính nhạc cho
các câu thơ. Trong một số bài ông đưa vào
các đại từ nhân xung ngôi thứ nhất. Điều đó
giúp cho chúng ta hình dung rõ hơn con
người tác giả với tâm hồn phong phú, tình
cảm tế nhị và tư tưởng sâu sắc. Có thể nói,
ngôn ngữ trong thơ Vũ Phạm Hàm thể hiện rõ
sự đa dạng, linh hoạt và sự tinh luyện của một
bậc “danh gia đại bút”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam (niên
cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX)*, Nxb Giáo dục,
Hà Nội.
2. Nhiều tác giả (2010), *Tam nguyên Thám hoa Vũ
Phạm Hàm*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Trần Đình Sử (2005), *Thi pháp văn học trung đại
Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

SUMMARY

LANGUAGE ARTS IN *THU TRI THI TAP* OF VU PHAM HAM

Ngo Thi Thu Trang*
College of Education - TNU

Thu Tri thi tap is a featured collection of Sino poems of Vu Pham Ham. On language, the poems
were clever combination between plain with implicit and fine. The reduplicative words and the
personal pronouns showed the picture of nature and the poet's diversified individualism. This
thereby contributes to express Vu Pham Ham's soul and talent.

Keywords: *Thu Tri, Sino poem, Vũ Pham Hàm, language, art.*